

Bản án số: 51/2021/DS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2021
V/V: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn, ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/20210/TLST-DS ngày 30/12/2020 về "*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28A/2021/QĐXXST - DS ngày 7/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/20210/QĐST-DS ngày 29/4/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 368/TB-TA ngày 18/5/2021 giữa:

* Nguyên đơn: ông Đinh Văn H – sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu dân cư Khánh Hòa, phường NĐ, thành phố HD

Đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Quang Q – sinh năm 1973; địa chỉ: Số 31, ngõ 267. Phường Khoang, phường Trung Văn, quận NTL, H.

(Có đơn xin vắng mặt)

* Bị đơn: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Do ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đinh Văn H do ông Hoàng Quang Q đại diện theo ủy

Q trình bày:

Khoảng đầu năm 2014, qua người khác giới thiệu, ông Đinh Văn H có gặp gỡ ông Nguyễn Văn C – đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam. Ông C giới thiệu về Công ty, cung cấp cho ông H những tài liệu liên quan đến Công ty: Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, có ký quỹ với Nhà nước 5 tỷ đồng đảm bảo cho người đầu tư được sử dụng sản phẩm chất lượng cao, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mãi cao lại không rủi ro. Cụ thể, mỗi sản phẩm mua của Công ty, ông C hứa sẽ tri ân 01 xe máy SH và số tiền khoảng hơn 300 triệu đồng.

Do tin tưởng ông C, vừa muốn mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình, để bán và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 10/3/2014, ông H đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 021531/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Địa điểm ký do thời gian lâu nên ông không nhớ chính xác, chỉ nhớ tại phường Thanh Bình, thành phố HD, tỉnh HD..

Sau khi ký hợp đồng, ông H đã nhiều lần nộp tiền vào Công ty để mua tổng số 150 sản phẩm, chủ yếu là cao hồng sâm; có sản phẩm trị giá 8.450.000 đồng, có sản phẩm trị giá 6.800.000 đồng (Tùy theo thời điểm công ty đưa ra chương trình tri ân, khuyến mại khác nhau nên giá sản phẩm có khác nhau). Khi nộp tiền mua 1 sản phẩm, Công ty có trả ông H 01 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, trên đó ghi rõ sản phẩm và giá tiền của sản phẩm. Mỗi khi ông H lấy sản phẩm, Công ty sẽ thu lại hóa đơn kiêm phiếu xuất kho của sản phẩm đó và trả sản phẩm cho ông H. Tất cả những lần ông H đến ký kết hợp đồng, nộp tiền, nhận hóa đơn, nhận hàng, trả hóa đơn, ông H đều làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Văn C – Đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong Công ty còn có nhiều nhân viên khác nhưng ông không biết tên tuổi, địa chỉ của họ ở đâu.

Ông H đã lấy 101 sản phẩm và được chi trả một số tiền hoa hồng tương ứng với 101 sản phẩm đã lấy. (Ông H không nhớ cụ thể số tiền hoa hồng là bao nhiêu). Hiện ông H còn 49 sản phẩm chưa được Công ty giao trả tương ứng với 49 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho đã nộp cho Tòa án, cụ thể:

44 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho bản gốc tương ứng với 44 sản phẩm x 6.800.000 đồng/1 sản phẩm = 299.200.000 đồng.

5 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho bản gốc tương ứng với 5 sản phẩm x 8.540.000 đồng/ 1 sản phẩm = 42.250.000 đồng.

Như vậy, ông H đã nộp 341.450.000 đồng để mua 49 sản phẩm nhưng đến nay chưa được giao trả sản phẩm.

Kể từ khi nộp tiền mua sản phẩm trên, ông H chưa được nhận bất cứ tri ân nào liên quan đến 44 sản phẩm đó. Ông H đã nhiều lần tìm gặp và gọi điện cho ông C yêu cầu Công ty trả nốt số hàng còn lại và trả tri ân nhưng ông C giải thích: Tiền để lấy sau thì càng có lãi vì Công ty đang đầu tư vào bất động sản”. Do tin tưởng, ông H lại tiếp tục chờ. Đến năm 2018, ông H mới phát hiện ra ngày 07/11/2016, Công ty CP LMTD bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả ông tổng số tiền 341.450.000 đồng tương đương với 49 gói hàng ông H đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng

đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 29/4/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên H đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/5/2021..

Ngày 18/5/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 tại địa phương diễn biến phức tạp, Tòa án thay đổi thời gian mở phiên tòa sang ngày 18/6/2021.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nguyên đơn, đại diện theo ủy Q của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, H đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy Q của nguyên đơn chấp hành đầy đủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị H đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Đinh Văn H, buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông H số tiền 341.450.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án: Ngày 10/3/2014, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam và ông Đinh Văn H đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 021531/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, ông H có nợ tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông H khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông H với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*”. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết yêu cầu của ông H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 341.450.000 đồng (giá trị 49 gói sản phẩm đã mua):

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 10/3/2014, ông H ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 021531/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam - trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Sau khi ký hợp đồng, ông H đã nộp vào Công ty cổ phần LMTD Việt Nam để mua 150 gói sản phẩm Cao sâm với giá 6.800.000 đồng/1 gói sản phẩm hoặc 8.450.000 đồng/1 gói sản phẩm (tùy thời điểm mua). Công ty cổ phần LMTD Việt Nam mới trả bà ông H 101 gói sản phẩm, hiện còn nợ ông 49 gói sản phẩm, trong đó gồm:

- 44 gói sản phẩm có giá 6.800.000 đồng/1 gói (theo 44 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ông H đã cung cấp cho Tòa án).

- 5 gói sản phẩm có giá 8.400.000 đồng/1 gói (theo 5 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ông H đã cung cấp cho Tòa án).

Tổng 49 gói sản phẩm Công ty cổ phần LMTD Việt Nam chưa trả ông H trị giá 341.450.000 đồng.

[3.2]. Ngày 03/10/2016, Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần

LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần LMTD Việt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[3.3]. Ông H yêu cầu Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 341.450.000 đồng tương đương giá trị của 49 gói hàng đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy H đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu trên của ông H.

[4] Về án phí: Yêu cầu của ông H được chấp nhận nên Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả ông Đình Văn H số tiền 341.450.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 17.072.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hương Giang